

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-ST
Ngày: 09/9/2022
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn.
2. Ông Võ Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 405/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị M, sinh năm 1951; địa chỉ: ấp BP, xã BX, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện ủy quyền hợp pháp cho bà Phan Thị M: Chị Phan Thị Trang, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp BP, xã BX huyện CM, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền; theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2022 được Ủy ban nhân dân xã BX, huyện CM chứng thực; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Kh, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp BP, xã BX, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Ngọc C (CT), sinh năm 1979; địa chỉ: ấp BP, xã BX, huyện CM, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị M ủy quyền cho chị Phan Thị Trang trình bày, do chỗ quen biết với ông Huỳnh Văn Kh bà M có tham gia hội do ông Kh làm chủ, số tiền hội ông hưởng hoa hồng từ các hội viên khi hót. Đến kỳ mở hội, hội viên nào mở giá hội cao nhất thì được hót hội. Chủ hội có trách nhiệm thu tiền các hội viên khác giao cho người hót được và hưởng hoa hồng. Bà M tham gia 02 dây hội như sau:

1/ Dây hội thứ nhất: Hội 2.000.000đ/tháng khai ngày 20.01.2029 (al), có 19 hội viên, nhưng có 24 phần bà M tham gia 01 phần (trong dây hội chủ hội ghi tên Bác 2 Rin). Hội khai đến lần thứ 24 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó dây hội này bà M được hưởng với số tiền: $23 \text{ lần} \times 2.000.000 = 46.000.000$ đồng.

2/ Dây hội thứ hai: Hội 2.000.000đ/tháng khai ngày 12.4.2019, hội có 19 hội viên, nhưng có 24 phần bà M tham gia 01 phần (trong dây hội chủ hội ghi tên Bác 2 Rin) Hội khai đến lần thứ 20 thì tự ý ngưng không khai tiếp tục. Do đó dây hội này bà được hưởng với số tiền: $19 \text{ lần} \times 2 = 38.000.000$ đồng.

Ông Kh đã tuyên bố bế hội vào ngày 10.10.2021 đến nay không giao dịch hội nữa. Bà M đã nhiều lần đến nhà ông Kh đòi số tiền hội nhưng ông Kh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà M. .

Nay bà M yêu cầu ông Huỳnh Văn Kh có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền nợ hội trong 02 dây hội mà bà đã chầu là 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); danh sách hội viên (bản photo).

Ông Huỳnh Văn Kh, Chị Huỳnh Thị Ngọc C (CT) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn Kh chị Huỳnh Thị Ngọc C (CT) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Ngọc C (CT) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ hòa giải vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Do quen biết, nên bà Phan Thị M có tham gia nhiều dây hụi do ông Huỳnh Văn Kh làm chủ, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/01/2019, bà M tham gia 01 phần. Đã châu được 23 lần, được 46.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 12/4/2019, bà M tham gia 01 phần. Đã châu được 19 lần, được 38.000.000 đồng.

Yêu cầu ông Kh trả 84.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phía ông Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, căn cứ bà M khởi kiện là 02 giấy hụi do ông Kh lập, có chữ ký của ông Kh; thể hiện bà M có tham gia hụi với tư cách hụi viên cùng nhiều hụi viên khác. Ngoài ra, căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 14/6/2022 do ông Phạm Công Kh, bà Tống Thị Phương Lan trình bày có tham gia các dây hụi cùng với bà M do chị C, ông Kh làm chủ hụi; sau đó chị C, ông Kh đã tuyên bố vỡ hụi, tự ý ngưng hụi. Xét thấy, do chị C, ông Kh không thực hiện nghĩa chủ hụi, nên bà M yêu cầu chị C trả số tiền 84.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự và các Điều 18, 23 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường. Do bà M không yêu cầu tính lãi suất, nên không đề cập đến.

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; các Điều 18, 23 Nghị định số 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M đối với ông Huỳnh Văn Kh.

- Buộc ông Huỳnh Văn Kh trả cho bà Phan Thị M số tiền hụi 84.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn Kh có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 84.000.000 đồng. Ông Kh có nơi cư trú tại ấp BP, xã BX, huyện CM, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở, ông Huỳnh Văn Kh, chị Huỳnh Thị Ngọc C (CT) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Văn Kh và chị Huỳnh Thị Ngọc C (CT) theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:

Qua lời khai và lời trình bày của chị Phan Thị Trang tại các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xác định giữa bà M với ông Kh có ký kết hợp đồng góp hụi giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, không trái đạo đức xã hội, do ông Kh tự ý ngưng không khai hụi tiếp tục nhưng ông Kh không trả số tiền hụi khi bà M có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong số các tài liệu, chứng cứ do bà M cung cấp có danh sách hụi viên thể hiện trong 02 dây hụi được chị C ghi tên “Bác 2 Rìn”

Lời khai của bà Tống Thị Phương Lan, ôngng Phạm Công Kh là những người cùng với bà M tham gia các dây do ông Kh làm chủ thì cũng xác định bà M có tham gia chơi hụi và hiện nay ôngng Kh còn thiếu lại bà M tổng số tiền trong các dây hụi là 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng)

Như vậy, lời khai của những người làm chứng phù hợp với danh sách hụi, mà bà M đã cung cấp cho Tòa án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà M yêu cầu ông Kh có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng).

Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà M thì thấy rằng, giữa bà với ông Kh có giao dịch hụi với nhau nhưng trong quá trình thực hiện nghĩa vụ giao dịch hụi giữa hai bên thì ông Kh là người chủ hụi cùng tham gia vào việc giao dịch hụi với bà M và các hụi viên khác. Cho nên bà M yêu cầu ông Kh trả số tiền nợ hụi 84.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà Phan Thị M ủy quyền cho chị Phan Thị Trang không yêu cầu tính lãi suất. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Huỳnh Văn Kh thuộc trường hợp miễn giảm án phí nhưng ông có đơn xin miễn giảm án phí, do đó ông không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 282, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M.

Buộc ông Huỳnh Văn Kh có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị M số tiền hụi 84.000.000 đồng (tám mươi bốn triệu đồng.)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Văn Kh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. CM;
- TAND tỉnh An Giang;
- C cục THADS H. CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn